

Số: 24 /2014/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng về trò chơi điện tử trên mạng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (sau đây gọi tắt là trò chơi điện tử).

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử: là toàn bộ những hoạt động hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử thu được tiền từ người chơi, bao gồm hoạt động dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng và các hình thức thanh toán khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị ảo: là một loại công cụ được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử quy ước dùng để trao đổi, mua bán vật phẩm ảo, điểm thưởng, các kỹ năng trong trò chơi.

Điều 3. Quy định chi tiết những hành vi bị cấm trong hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tại Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP

1. Nhập khẩu, sản xuất, cung cấp, quảng cáo, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử có nội dung thể hiện:

a) Hình ảnh, âm thanh, hành động giết người, tra tấn người tàn ác, rùng rợn; kích động bạo lực, thù tằn; hành động làm đứt, rời các bộ phận trên cơ thể người; hình ảnh máu me ghê sợ; hình ảnh, âm thanh, hành động khiêu dâm, dung tục, vô luân, trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xuyên tạc, phá hoại truyền thống lịch sử, vi phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ;

b) Hình ảnh, âm thanh miêu tả hành động, kích động tự tử, sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc, khủng bố; hành động ngược đãi, xâm hại, buôn bán, phụ nữ, trẻ em;

c) Các hành vi vi phạm khác được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

2. Quảng cáo, giới thiệu, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử đối với các trò chơi điện tử chưa được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản, chưa thông báo cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

3. Lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 4. Phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi

1. Trò chơi điện tử được phân loại theo các độ tuổi như sau:

a) Trò chơi điện tử dành cho người lớn (từ 18 tuổi trở lên, ký hiệu là 18+) là trò chơi có hoạt động đối kháng có sử dụng vũ khí; không có hoạt động, hình ảnh, âm thanh khiêu dâm;

b) Trò chơi điện tử dành cho thiếu niên (từ 12 tuổi trở lên, ký hiệu là 12+) là trò chơi có hoạt động đối kháng, chiến đấu có sử dụng vũ khí nhưng hình ảnh vũ khí không nhìn được cận cảnh, rõ ràng; tiết chế âm thanh va chạm của vũ khí khi chiến đấu; không có hoạt động, hình ảnh, âm thanh, nhân vật mặc hở hang, khiêu dâm, quay cận cảnh gây chú ý đến các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể người;

c) Trò chơi điện tử dành cho mọi lứa tuổi (ký hiệu là 00+) là những trò chơi mô phỏng dạng hoạt hình; không có hoạt động đối kháng bằng vũ khí; không có hình ảnh, âm thanh ma quái, kinh dị, bạo lực; không có hình ảnh, hoạt động, âm thanh, nhân vật mặc hở hang, khiêu dâm, quay cận cảnh gây chú ý đến các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể người.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trong việc phân loại trò chơi theo độ tuổi:

a) Tự phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Thể hiện kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi trong hồ sơ đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản đối với trò chơi điện tử G1, trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3 và G4. Việc phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi là một trong các nội dung được thẩm định của trò chơi điện tử G1;

c) Thể hiện kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi ở vị trí phía trên, góc bên trái của khung quảng cáo và màn hình thiết bị trong khi người chơi sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử.

3. Khi có sở cứ kết luận việc phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi của doanh nghiệp đối với các trò chơi điện tử G2, G3, G4 không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh lại việc phân loại trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc.

Trường hợp doanh nghiệp không điều chỉnh kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản yêu cầu doanh nghiệp dừng cung cấp dịch vụ đối với trò chơi đó và thực hiện các giải pháp bảo đảm quyền lợi của người chơi. Sau 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày văn bản nêu trên được ban hành mà doanh nghiệp không dừng phát hành theo yêu cầu, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tiến hành thu hồi giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử.

Điều 5. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử

1. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử bao gồm đại diện một số cơ quan, tổ chức có liên quan, có trình độ chuyên môn phù hợp.

2. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử có nhiệm vụ tư vấn trong quá trình thẩm định nội dung, kịch bản, phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 và các trường hợp đặc biệt khác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, bảo đảm công việc tư vấn thẩm định chặt chẽ, khách quan.

3. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử được thành lập và hoạt động theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Thông tin cá nhân người chơi

1. Khi tạo tài khoản sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử G1, người chơi phải cung cấp những thông tin cá nhân sau đây:

- a) Họ và tên;
- b) Ngày, tháng, năm sinh;
- c) Địa chỉ đăng ký thường trú;
- d) Số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp;
- đ) Số điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có).

Trường hợp người chơi dưới 14 (mười bốn) tuổi và chưa có Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, người giám hộ hợp pháp của người chơi quyết định việc đăng ký thông tin cá nhân của mình để thể hiện sự đồng ý và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký đó.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 phải lưu giữ các thông tin cá nhân người chơi trong suốt quá trình người chơi sử dụng dịch vụ và trong 06 (sáu) tháng sau khi người chơi ngừng sử dụng dịch vụ; doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 phải triển khai hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ sẵn sàng kết nối với cơ sở dữ liệu chứng minh nhân dân hoặc hệ thống mã số cá nhân quốc gia theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để xác thực thông tin của người chơi.

Điều 7. Quy định về vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chỉ được khởi tạo các vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi điện tử theo đúng nội dung, kịch bản mà doanh nghiệp đã báo cáo trong hồ sơ được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử và trong báo cáo định kỳ của doanh nghiệp.

2. Người chơi được dùng điểm thưởng hoặc đơn vị ảo có trong tài khoản trò chơi điện tử của mình để đổi lấy vật phẩm ảo do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử khởi tạo.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có nghĩa vụ quản lý vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi điện tử theo đúng quy tắc trò chơi đã công bố và phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi đã được phê duyệt.

4. Vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng chỉ được sử dụng trong phạm vi trò chơi điện tử và theo đúng mục đích mà doanh nghiệp đã báo cáo. Vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng không phải là tài sản, không có giá trị quy đổi ngược lại thành tiền, thẻ thanh toán, phiếu thưởng hoặc các hiện vật có giá trị giao dịch bên ngoài trò chơi điện tử.

5. Không mua, bán vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng giữa những người chơi với nhau.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ; doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet

1. Chủ động từ chối, tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chưa được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản hoặc chưa thông báo cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các doanh nghiệp chưa có giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chưa được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản hoặc chưa thông báo cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và điều tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử

1. Chủ động từ chối, tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chưa được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản hoặc chưa thông báo cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chưa được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản hoặc chưa thông báo cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và điều tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm

pháp luật liên quan đến dịch vụ thanh toán trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện kỹ thuật của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử đăng ký hoạt động tại địa phương sau khi doanh nghiệp chính thức cung cấp dịch vụ.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử của các doanh nghiệp đăng ký trụ sở chính hoặc có hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ đặt tại địa phương theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 11. Quy định về cung cấp thông tin và chế độ báo cáo

1. Cung cấp thông tin:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông công bố danh sách các doanh nghiệp đã được cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; danh sách các trò chơi điện tử G1 đã được cấp, thu hồi quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản; danh sách các trò chơi điện tử G2, G3, G4 đã thực hiện thủ tục thông báo cung cấp dịch vụ; danh sách các trò chơi đã ngừng cung cấp; danh sách các giấy phép, giấy chứng nhận, quyết định phê duyệt nội dung kịch bản không còn hiệu lực trên cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ www.mic.gov.vn;

b) Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cập nhật danh sách các trò chơi điện tử G1 đã được cấp, thu hồi quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản; danh sách các trò chơi điện tử G2, G3, G4 đã thực hiện thủ tục thông báo cung cấp dịch vụ trên trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông; cập nhật danh sách các trò chơi điện tử đã ngừng cung cấp dịch vụ và thông báo cho các chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn.

2. Chế độ báo cáo:

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng một lần (vào ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 hàng năm) theo Mẫu số 9 gửi Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Sở Thông tin và Truyền thông địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) định kỳ 06 (sáu) tháng một lần (vào ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm) về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử tại địa phương theo Mẫu số 10.

Chương II

CẤP PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 VÀ PHÊ DUYỆT NỘI DUNG, KỊCH BẢN TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1

Điều 12. Điều kiện về tổ chức, nhân sự cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1

Điều kiện về tổ chức, nhân sự quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau:

1. Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng.
2. Có đội ngũ nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp với quy mô hoạt động, bảo đảm tối thiểu 01(một) nhân sự quản trị 2 (hai) máy chủ.
3. Có nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động cung cấp trò chơi điện tử.

Điều 13. Điều kiện về kỹ thuật cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1

Điều kiện về kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau:

1. Hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử cho tất cả các trò chơi của doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có khả năng lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin cá nhân của người chơi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

b) Hệ thống quản lý thanh toán cho các trò chơi điện tử của doanh nghiệp phải đặt tại Việt Nam và kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán của Việt Nam, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình;

c) Quản lý thời gian chơi của người chơi từ 00h00 đến 24h00 hàng ngày và bảo đảm tổng thời gian sử dụng tất cả các trò chơi điện tử G1 của một doanh nghiệp đối với mỗi người chơi dưới 18 tuổi không quá 180 phút trong 24 giờ mỗi ngày;

d) Hiện thị được kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi đối với tất cả các trò chơi do doanh nghiệp cung cấp khi giới thiệu, quảng cáo trò chơi, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; có thông tin khuyến cáo với nội dung “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” tại vị trí dễ nhận biết ở diễn đàn của trò chơi và trên màn hình thiết bị của người chơi trong suốt quá trình chơi.

2. Có phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ, bảo đảm quyền lợi của người chơi.

3. Có biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý nội dung diễn đàn trò chơi (nếu có), tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

4. Có phương án dự phòng về thiết bị và kết nối, phương án sao lưu dữ liệu để bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra.

5. Có phương án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bí mật thông tin cá nhân của người chơi.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 1.

2. Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

3. Sơ yếu lý lịch nhân sự chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Văn bản xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp.

5. Đề án cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Kế hoạch cung cấp dịch vụ, năng lực tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư này;

b) Sơ đồ tổng thể hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ;

c) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ cả phần chính và phần dự phòng bao gồm: tên, chức năng, cấu hình dự kiến của từng thiết bị;

d) Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ; kế hoạch kết nối với mạng Internet và mạng viễn thông (tên doanh nghiệp, tên miền, địa chỉ IP, dung lượng kênh kết nối, kênh phân phối trò chơi);

đ) Mô tả chi tiết hệ thống thanh toán trò chơi và kế hoạch kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán tại Việt Nam (tên doanh nghiệp, hình thức kết nối, quyền và trách nhiệm của các bên);

e) Kế hoạch sử dụng tài nguyên Internet;

g) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ, bảo đảm quyền lợi của người chơi;

h) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị (phần cứng, phần mềm) giám sát hoạt động hệ thống cung cấp dịch vụ; kế hoạch sao lưu dữ liệu và phương án dự phòng về thiết bị, kết nối; quy trình vận hành, khai thác, cung cấp và sử dụng dịch vụ; kế hoạch bảo đảm bí mật, an toàn thông tin cá nhân của người chơi;

i) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị (phần cứng, phần mềm) bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo đảm bí mật thông tin cá nhân của người chơi; quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Điều 15. Quy trình, thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1

1. Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ gốc đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 cho Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp;

b) Nộp qua đường bưu chính.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tiến hành thẩm định hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 theo Mẫu số 2. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Trước khi chính thức cung cấp dịch vụ 10 (mười) ngày làm việc, doanh nghiệp phải gửi thông báo cụ thể về thời gian chính thức cung cấp dịch vụ tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện

tử), Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động và nơi doanh nghiệp có hệ thống thiết bị cung cấp dịch; thông báo tới doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 không còn hiệu lực khi doanh nghiệp bị giải thể, bị phá sản hoặc sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực mà doanh nghiệp không triển khai trên thực tế việc cung cấp dịch vụ.

5. Trường hợp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 không còn hiệu lực, bị thu hồi hoặc doanh nghiệp thay đổi các nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 16 Thông tư này, việc cấp lại giấy phép thực hiện như thủ tục cấp mới theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư này.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1

1. Doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi tên doanh nghiệp;
- b) Thay đổi tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
- c) Thay đổi trụ sở chính khi doanh nghiệp chuyển đến tỉnh, thành phố khác.

Doanh nghiệp có thể thực hiện đồng thời thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép với thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 đã được cấp.

2. Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ gốc đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 cho Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo một trong các hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp qua đường bưu chính.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trong đó nêu rõ nội dung và lý do cần sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 đã được cấp;

c) Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trong cùng một tỉnh, thành phố, văn phòng giao dịch, địa chỉ cho thuê máy chủ thì doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 nhưng phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép theo quy định tại Khoản 5 Điều 15 Thông tư này kèm theo bản gốc giấy phép đã được cấp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có quyết định thay đổi một trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi 100% cổ đông sáng lập công ty cổ phần; thay đổi 100% thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân;

b) Thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

7. Các doanh nghiệp đã được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 khi có sự thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi đăng ký trụ sở hoạt động trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có quyết định thay đổi. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

8. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được.

a) Trường hợp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được, doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại giấy phép cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu chính;

b) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 bao gồm: Tên, địa chỉ của doanh nghiệp; số, nơi cấp, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; số, ngày cấp, ngày hiệu lực của giấy phép đã được cấp; lý do đề nghị cấp lại giấy phép; cam kết của doanh nghiệp về các nội dung kê khai trong đơn đề nghị;

c) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét cấp lại giấy phép cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

9. Gia hạn giấy phép

a) Trước khi giấy phép hết hiệu lực nhưng doanh nghiệp chưa thể hoàn thành thủ tục cấp lại thì phải thực hiện thủ tục gia hạn nếu doanh nghiệp vẫn có nhu cầu tiếp tục hoạt động. Mỗi giấy phép chỉ được gia hạn 01 (một) lần, mỗi lần không quá 01 (một) năm;

b) Doanh nghiệp gửi đơn đề nghị gia hạn giấy phép và bản sao giấy phép cần gia hạn đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu chính;

c) Nội dung đơn đề nghị gia hạn giấy phép bao gồm: Tên, địa chỉ của doanh nghiệp; số, nơi cấp, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; số, ngày cấp, ngày hiệu lực của giấy phép đã được cấp; lý do đề nghị gia hạn giấy phép; cam kết của doanh nghiệp về các nội dung kê khai trong đơn đề nghị;

d) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị gia hạn giấy phép hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định về gia hạn giấy phép cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Điều 17. Điều kiện cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1

Doanh nghiệp được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Trò chơi điện tử có nội dung kịch bản không vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này; kết quả tự phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi

người chơi của doanh nghiệp phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Có nhân sự tốt nghiệp từ đại học trở lên quản lý nội dung trò chơi và diễn đàn người chơi.

3. Có phương án kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Cung cấp và hiển thị liên tục thông tin về kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi; thông tin khuyến cáo “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” tại nơi dễ nhận biết ở diễn đàn của trò chơi và trên màn hình thiết bị trong quá trình chơi;

b) Quản lý hội thoại người chơi theo quy định của pháp luật về quản lý mạng xã hội tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Thông tư số 09/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

4. Có biện pháp quản lý thông tin tài khoản của người chơi đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Kết nối trực tiếp đồng bộ với hệ thống quản lý thông tin cá nhân của người chơi;

b) Kết nối trực tiếp đồng bộ với hệ thống thanh toán dịch vụ trò chơi chung của doanh nghiệp;

c) Lưu trữ đầy đủ, cập nhật liên tục, chính xác thông tin về quá trình sử dụng dịch vụ của người chơi bao gồm: tên tài khoản, thời gian sử dụng dịch vụ, các thông tin có liên quan đến việc sở hữu vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng của người chơi.

5. Có phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ, bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1

Hồ sơ đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản cho mỗi trò chơi bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Đơn đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản theo Mẫu số 3, kèm theo cam kết của doanh nghiệp thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp quy định tại Điều 34 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

2. Bản sao Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 còn thời hạn tối thiểu 01 (một) năm.

3. Sơ yếu lý lịch nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung trò chơi điện tử có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng nhận bản quyền hợp pháp và văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi điện tử tại Việt Nam. Trường hợp giấy tờ chứng nhận và văn bản thỏa thuận bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực.

5. Mô tả chi tiết nội dung, kịch bản trò chơi điện tử bao gồm các thông tin sau đây:

a) Tên, nguồn gốc, xuất xứ của trò chơi điện tử;

b) Chi tiết kịch bản, nội dung trò chơi; hệ thống nhân vật, hệ thống nhiệm vụ, bản đồ (sơ đồ); hệ thống vật phẩm ảo, đơn vị ảo, dịch vụ, điểm thưởng; hoạt động tương tác, hoạt động đối kháng giữa các nhân vật với nhau; hình thức thu phí, phiên bản phát hành;

c) Phương pháp và kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi của doanh nghiệp.

6. Phương án kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 17 Thông tư này bao gồm các nội dung sau đây:

a) Sơ đồ chi tiết hệ thống thiết bị cung cấp trò chơi điện tử;

b) Địa chỉ cụ thể nơi đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy chủ (trong trường hợp thuê chỗ đặt máy chủ);

c) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ cả phần chính và phần dự phòng bao gồm: tên, chức năng, cấu hình dự kiến của từng thiết bị;

d) Mô tả biện pháp để hiển thị liên tục thông tin về kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi; thông tin khuyến cáo “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” trên diễn đàn của trò chơi và trên màn hình thiết bị trong quá trình chơi;

đ) Mô tả chi tiết hệ thống quản lý thông tin tài khoản của người chơi đáp ứng yêu cầu tại Điều 6 Thông tư này.

7. Thiết bị ghi lại các hình ảnh, hoạt động, âm thanh đặc trưng trong trò chơi: hình ảnh một số tuyến nhân vật, hình ảnh một số vật phẩm, đồ trang bị cho nhân vật; hình ảnh, hoạt động nhân vật đang làm nhiệm vụ chủ yếu ở 5 cấp độ cao nhất (nếu có); hoạt động đặc trưng (ví dụ: hành động đối kháng) giữa các nhân vật với nhau.

Điều 19. Quy trình, thủ tục cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1

1. Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ gốc đề nghị cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo một trong các hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp qua đường bưu chính.

2. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành tổ chức thẩm định, cấp quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 không còn hiệu lực khi giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 của doanh nghiệp bị thu hồi hoặc hết hiệu lực hoặc sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực, doanh nghiệp không triển khai trên thực tế việc cung cấp dịch vụ.

4. Trước khi doanh nghiệp chính thức bắt đầu cung cấp trò chơi cho công cộng 10 (mười) ngày làm việc, doanh nghiệp phải gửi thông báo cụ thể về thời gian chính thức cung cấp trò chơi đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động; thông báo tới doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trường hợp quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 không còn hiệu lực, bị thu hồi, việc cấp lại quyết định thực hiện như thủ tục cấp mới quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư này.

6. Trò chơi điện tử được phân loại đồng thời là trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 đã được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản thì không phải thực hiện thủ tục thông báo theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1

1. Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 đã được cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên trò chơi điện tử;

b) Cập nhật, nâng cấp phiên bản mới có thay đổi, bổ sung nội dung, kịch bản trò chơi so với phiên bản đã được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản.

2. Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ gốc đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp;

b) Nộp qua đường bưu chính.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 bao gồm các nội dung sau đây:

a) Bản sao Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử;

b) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1, trong đó nêu rõ nội dung, lý do cần sửa đổi, bổ sung;

c) Mô tả chi tiết nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và các tài liệu chứng minh có liên quan.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, cấp quyết định sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc trước khi thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 đã được phê duyệt (tên miền đối với trò chơi cung cấp trên internet, kênh phân phối đối với trò chơi cung cấp trên mạng viễn thông di động) thì doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung quyết định nhưng phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Cấp lại quyết định

a) Trường hợp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được, doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại quyết định đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), trong đó nêu rõ số, ngày cấp của quyết định đã được cấp và lý do đề nghị cấp lại;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, cấp lại quyết định. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Chương III

ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 VÀ THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4

Điều 21. Điều kiện về tổ chức, nhân sự cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4

Điều kiện về tổ chức, nhân sự quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau:

1. Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng.
2. Có nhân sự chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động cung cấp trò chơi điện tử tốt nghiệp đại học trở lên.
3. Có đội ngũ nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp quy mô hoạt động và loại hình cung cấp dịch vụ.

Điều 22. Điều kiện về kỹ thuật cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4

Điều kiện về kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau:

1. Hệ thống quản lý thanh toán cho các trò chơi điện tử (nếu có) của doanh nghiệp phải đặt tại Việt Nam và kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán của Việt Nam, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình.
2. Có phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ và quyền lợi của người chơi.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4

Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử theo Mẫu số 5.

2. Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư trong đó có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử.

3. Sơ yếu lý lịch nhân sự chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Văn bản xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp (đối với trò chơi cung cấp trên Internet).

5. Đề án cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Kế hoạch cung cấp dịch vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự thực hiện phù hợp với quy mô hoạt động và bảo đảm đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 21, Điều 22 Thông tư này;

b) Sơ đồ tổng thể hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ và kết nối mạng;

c) Thông tin về thiết bị cung cấp dịch vụ cả phần chính và dự phòng bao gồm: tên, chức năng, cấu hình;

d) Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ: mạng internet (địa chỉ IP, tên miền), mạng viễn thông di động (dự kiến kênh phân phối trò chơi);

đ) Các hình thức thanh toán dịch vụ, các loại thẻ thanh toán và doanh nghiệp hợp tác trong việc thanh toán dịch vụ (tên doanh nghiệp, loại hình thanh toán);

e) Biện pháp bảo đảm chất lượng dịch vụ và quyền lợi của người chơi.

Điều 24. Quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4

1. Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ gốc đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp;

b) Nộp qua đường bưu chính.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử cho doanh nghiệp theo Mẫu số 6. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Trước khi doanh nghiệp chính thức bắt đầu cung cấp trò chơi cho công cộng 10 (mười) ngày làm việc, doanh nghiệp phải gửi thông báo cụ thể về thời gian chính thức cung cấp dịch vụ đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

4. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 không còn hiệu lực khi doanh nghiệp bị giải thể, bị phá sản hoặc sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày giấy chứng nhận có hiệu lực nhưng doanh nghiệp không triển khai trên thực tế việc cung cấp dịch vụ.

5. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 không còn hiệu lực, bị thu hồi hoặc doanh nghiệp thay đổi những nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 25 Thông tư này, việc cấp lại giấy chứng nhận thực hiện như thủ tục cấp mới quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư này.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4

1. Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 đã được cấp trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi tên doanh nghiệp;
- b) Thay đổi tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
- c) Thay đổi trụ sở chính khi doanh nghiệp chuyển đến tỉnh, thành phố khác.

2. Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ gốc đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo một trong các hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp qua đường bưu chính.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Bản sao giấy chứng nhận đã được cấp;

b) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, trong đó nêu rõ nội dung cần sửa đổi và lý do cần sửa đổi, bổ sung;

c) Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc trước khi thay đổi tên miền trang thông tin điện tử (trên internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4) thì doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử nhưng phải thông báo bằng văn bản đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 Thông tư này kèm theo bản gốc giấy chứng nhận đã được cấp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có quyết định thay đổi một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi 100% cổ đông sáng lập công ty cổ phần; thay đổi 100% thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân;

b) Thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

7. Các doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 khi có sự thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên phải thông báo bằng văn bản đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thay đổi. Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy biên nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

8. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trong các trường hợp bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được.

a) Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được, doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của doanh nghiệp; số, nơi cấp, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; số, ngày cấp của giấy chứng nhận đã được cấp; lý do đề nghị cấp lại giấy chứng nhận; cam kết của doanh nghiệp về các nội dung kê khai trong đơn đề nghị;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét, cấp lại giấy chứng nhận cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Điều 26. Thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4

1. Tối thiểu 30 (ba mươi) ngày làm việc trước khi chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, doanh nghiệp phải gửi hồ sơ thông báo đối với từng trò chơi điện tử sẽ cung cấp tới Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu chính;

2. Hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử theo Mẫu số 7;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử;

c) Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng nhận bản quyền hợp pháp và văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam. Trường hợp giấy tờ chứng nhận hoặc văn bản thỏa thuận được thực hiện bằng tiếng nước ngoài, doanh nghiệp phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo Mẫu số 8. Sau thời gian nêu trên, nếu chưa nhận được ý kiến của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử thì doanh nghiệp được cung cấp trò chơi theo ngày dự kiến đã nêu trong thông báo.

4. Doanh nghiệp phải thông báo bổ sung với Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử nếu trong quá trình cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có thay đổi một trong những nội dung sau đây:

a) Tên trò chơi;

- b) Kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi;
- c) Loại hình trò chơi điện tử đang cung cấp (G2, G3, G4);
- d) Phạm vi, phương thức cung cấp dịch vụ: tên miền, địa chỉ IP (trên trang thông tin điện tử), kênh phân phối trò chơi điện tử (trên mạng viễn thông di động).

Điều 27. Ban hành các biểu mẫu trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử

Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu văn bản sau đây:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (Mẫu số 01).
2. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (Mẫu số 02).
3. Đơn đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (Mẫu số 03).
4. Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (Mẫu số 04).
5. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (Mẫu số 05).
6. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (Mẫu số 06).
7. Thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (Mẫu số 07).
8. Giấy xác nhận thông báo về việc cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (Mẫu số 08).
9. Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (Mẫu số 09).
10. Báo cáo hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng tại địa phương (Mẫu số 10).

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2015.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 và thực hiện việc báo cáo kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi theo quy định tại Thông tư này trong thời gian 180 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Đối với những trò chơi điện tử đã được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi trực tuyến theo quy định tại Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLB-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01 tháng 6 năm 2006 của liên Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Công an về quản lý trò chơi trực tuyến (Online Games), nếu doanh nghiệp thay đổi tên trò chơi, cập nhật, nâng cấp phiên bản mới, có thay đổi, bổ sung nội dung, kịch bản trò chơi thì phải thực hiện thủ tục đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Thông tư này trong thời gian 180 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT, NH.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Bắc Sơn